

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUSSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 11/05/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	6.100	4,61%
2	BID	400	0,56%
3	CTG	2.000	2,39%
4	EIB	2.100	1,54%
5	HCM	700	0,65%
6	HDB	8.900	8,04%
7	LPB	1.200	2,05%
8	MBB	12.200	10,54%
9	MSB	1.600	0,71%
10	NAB	100	0,05%
11	OCB	100	0,04%
12	SHB	18.700	8,81%
13	SSB	300	0,17%
14	SSI	7.600	7,11%
15	STB	4.600	11,17%
16	TCB	11.500	12,87%
17	TPB	1.700	0,90%
18	VCB	1.500	3,01%
19	VCI	1.300	1,11%
20	VIB	1.600	0,85%
21	VIX	10.100	6,21%
22	VND	2.000	1,09%
23	VPB	15.300	14,13%



I	Chứng khoán/Stock	2.983.670.000	98,61%
II	Tiền/Cash(VND)	42.038.535	1,39%
III	Tổng/Total (=I+II)	3.025.708.535	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2.983.670.000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	3.025.708.535
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	42.038.535

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):


STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế trong ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	BID	42.400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
2	HCM	27.950	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	SSI	28.300	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	TCB	33.850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	VCI	25.950	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 11/05/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 08/05/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0,00	0,00	0,00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0,00	0,00	0,00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18.900.000,00	18.900.000,00	0,00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	30.270,00	30.230,00	40,00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	571.858.913.221,00	566.732.234.942,00	5.126.678.279,00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	3.025.708.535,00	3.014.533.164,00	11.175.371,00
của 1 CCQ/ per Share	30.257,08	30.145,33	111,75
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2.962,01	2.972,55	-10,54

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 10/05/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 07/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 07/05/2026.

Đại diện tổ chức 
Organization representative



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tô Thùy Linh